

PHIẾU TRÌNH KẾ HOẠCH SCTXĐK QUÝ II/2016

1. Các căn cứ:

- Căn cứ vào phương án tác nghiệp kỹ thuật quý 2/2016 của công ty CPĐS Hà Thái.
- Căn cứ công văn số 818/ĐS-QLHT ngày 07/4/2016 của TCT ĐSVN về việc chấp thuận phương án tác nghiệp kỹ thuật quý 2 của công ty.
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các Đơn vị,

2. Phòng KHKD kính trình Hội đồng Quản trị phê duyệt và giao cho Giám đốc điều hành các phòng, các đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch duy tu sửa chữa định kỳ quý 2/2016 với nội dung như sau:

2.1 Khối lượng vật tư chủ yếu và Cung ứng vật tư: Giao phòng KH-KD thực hiện

TT	Tên vật tư	Đ.Vị	BH-VĐ	YV-LC	ĐA-QT	K-LX	Tổng cộng
1	Đá 2,5x5	M ³	299	345	322		966
2	TVBT TN1	thanh	1.476	1.090	0		2.566
3	TVBT lồng	thanh	0	161	162		323
4	TV gỗ ghi	thanh	22	58	54		134
5	TVG cầu dọc tuyến	thanh	10	7	10		27
6	TVG cầu T.Long	thanh	289	0	0		289
7	Xi măng	kg	1.460	0	1.600		3.060
8	Cát vàng	M ³	4	0	2,2		6,2

2.2. SCTXĐK Các tuyến đường sắt: giao các đội đường 123, 124, 125, 126 thi công

Số TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng theo tuyến				
			BH-VĐ	YV-LC	ĐA-QT	K-LX	Cộng
1	Đường chính	Km	7,828	2,927	11,116	53,254	75,125
2	Đường ga	Km	1,365	2,011	1,385	1,970	6,731
3	Ghi	Bộ	5,000	13,000	12,000	9,000	39,000
4	Cầu	100m	1,412	0,300	1,230	8,540	11,482
5	Cống	100m	14,920	1,553	2,931	32,510	51,914
6	Hầm	100m				11,410	11,410
7	Nhà ga, kho ga	100m ²				5,110	5,110
8	Ke ga, bãi hàng	1000m ²				6,370	6,370
9	Điểm gác đường ngang	Điểm	12,000	7,000	14,000	1,000	34,000

2.3. SCTXĐK Cầu Thăng Long: Giao XN QL cầu Thăng Long thi công

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Duy tu đường sắt khổ 1000 mm trên dầm thép	100m	4,520	
2	Duy tu đường sắt khổ 1000mm trên dầm bê tông	100m	9,560	
3	Duy tu đường sắt khổ 1435 mm trên dầm thép	100m	4,500	
4	Duy tu đường sắt khổ 1435mm trên dầm bê tông	100m	9,156	

5	Duy tu đường ô tô tầng 2	100m	7,845	
6	Duy tu đường xe thô sơ 2 bên dầm thép	100m	9,500	

2.4. Khối lượng các loại máy thi công: giao XNDV và TCCG thực hiện

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng				
			Cộng	BH-VĐ	YV-LC	ĐA-QT	K-LX
1	Máy chèn áo 08-16 GS	Km					
2	Máy chèn đường BRAD	Km	13,83	8,22	2,76	2,85	
3	Máy đa dụng KGT/V	Ca	60	10	15	35	
4	Máy thay tà vẹt MRT 2	Thanh	2396	1396	1000		
5	Máy xiết bu lông TEM đơn	Km	10	3,5	3	3,5	
6	Máy xiết bu lông TEM lồng	Km	13		3	10	
7	Máy nâng mối gục JA	Mối	80		80		
8	Máy đo Matisa	Km	68,5		15	53,5	

2.5. Khối lượng duy tu tập trung:

- Thay tà vẹt BT TN1 từ Km1+00 ÷ Km2+00 tuyến BH-VĐ giao đội 123 thi công.
- Thay Km28+00 ÷ Km29+00 tuyến Yên Viên – Lào Cai giao đội 124 thi công.
- Thay tà vẹt BT DWL trên cầu Kênh Tây Km0.
- Thay tà vẹt BT DWL trên cầu Kênh Tây Km0+370 tuyến BH-VĐ giao đội 123.
- Thay tà vẹt BT DWL trên cầu Long Châu Km11+817 tuyến BH-VĐ giao đội 125.
- Thay tà vẹt BT DWL trên cầu V.Đương Km34+100 tuyến BH-VĐ giao đội 126.
- Lắp động cơ điện cho cần chắn, dàn chắn các đường ngang: Giao phòng KHVT tham mưu thành lập ban chỉ đạo và đội thi công lắp đặt tại các đường ngang:
 - + Km1+874; Km13+024; Km22+423; Km38+314 tuyến BH-VĐ.
 - + Km14+325; Km26+200 tuyến YV-LC.
 - + Km0+800; Km1+605; Km16+700; Km19+320 tuyến ĐA-QT.

Phòng KHKD kính trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2016

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT;
- HĐQT, Ban GD, CD, các XN, các phòng nghiệp vụ, các đơn vị (nhận trên Webservice);
- Thông báo trên trang Webservice;
- Lưu KHKD

PHÒNG KHKD

Ý kiến của Hội đồng Quản Trị

Giao Ban GDDT chi' tạo đơn kết theo quy
định của pháp luật.
11/4/2016